

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 27/2019/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Dương Quang Lương.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Quốc V, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Chị và anh Đỗ Quốc V kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y vào ngày 25/02/2012. Trước khi kết hôn, cả hai người đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới chị về gia đình anh V ngay, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không hiểu nhau, anh V thường xuyên chơi bời, đêm hôm không về nhà đồng thời không quan tâm gì đến vợ con gia đình. Nhiều lần chị đã khuyên bảo nhưng anh V không những không chịu sửa chữa ngược lại còn đánh đập chị nên năm 2016 chị đã làm đơn xin ly hôn đối với anh V. Trong quá trình chờ Tòa án giải quyết,

do anh V hứa sẽ sửa đổi tâm tính và tha thiết xin được đoàn tụ nên chị rút đơn ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Chị về sinh sống cùng anh V được một thời gian, đến tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ đẻ sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Quốc V.

Bị đơn là anh Đỗ Quốc V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tại biên bản lấy lời khai, anh V trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như lời trình bày trên của chị T là đúng. Anh V thừa nhận, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh và chị T đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả anh và chị T đều không ai tìm biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh V đều xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 21/10/2012. Hiện tại cháu T đang ở với anh V. Ly hôn, chị T và anh V đều có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T và anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Đỗ Quốc V.

Về con chung: Giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 21/10/2012. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh V.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đào Thị T là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Đỗ Quốc V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Đỗ Quốc V là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đỗ Quốc V.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị T và anh V đều thừa nhận, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh V không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Căn cứ vào lời trình bày của chị T tại phiên tòa và anh V trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Y. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Y cho nên cần xác định cuộc hôn nhân của chị T và anh V là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị T và anh V đều xác định trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày giữa chị T và anh V sống không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Năm 2016 chị T đã có đơn xin ly hôn anh V, xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm nên chị T rút đơn ly hôn để về đoàn tụ. Sau khi rút đơn, tình cảm vợ chồng không cải thiện mà vẫn xảy ra mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn, cả chị T và anh V không tìm biện pháp gắn kết tình cảm mà chọn cách sống ly thân, trong thời gian sống ly thân, cả hai anh V và chị T đều không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, bản thân chị T và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cả hai đều xin được ly hôn nhau. Điều đó chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh V đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật

hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị T được ly hôn với anh Đỗ Quốc V.

Về con chung: Chị T và anh V đều xác định, vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Hồng T, sinh ngày 21/10/2012. Ly hôn cả chị T và anh V đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ, nguyện vọng xin được nuôi con của chị T và anh V là chính đáng. Nhưng xét về điều kiện nuôi dạy con thì cả chị T và anh V đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, anh V cũng thừa nhận, bản thân anh là người thường xuyên chơi bời đêm hôm, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Việc chăm sóc nuôi dạy cháu T, chủ yếu là do bố mẹ anh giúp đỡ. Tại phiên tòa chị T xác định, từ khi vợ chồng sống ly thân, chị về nhà bố mẹ để sống, gia đình hiện nay chỉ có chị và bố mẹ sống cùng nhau, thu nhập của chị ở mức 8.000.000 đồng/tháng. Hơn nữa xét về mặt tình cảm thấy rằng, hiện tại cháu T đang còn nhỏ rất cần có sự gần gũi, chăm sóc chia sẻ của mẹ. Căn cứ vào các điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân, Hội đồng xét xử sẽ giao Thái cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh V.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Đào Thị T được ly hôn với anh Đỗ Quốc V.

2/ Về con chung: Giao cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 21/10/2012 cho chị Đào Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cháu T cho đến khi thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh V.

3/ Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000725 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị T đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Y;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh